

# Cơ sở thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động có tính chất ngân hàng tại các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ Việt Nam

TS. PHẠM QUỐC KHÁNH

*Trong giai đoạn 2011- 2014, thị trường bảo hiểm nhân thọ (BHNT) ở Việt Nam đã có sự phát triển nhanh chóng với mức tăng trưởng doanh thu bình quân đạt 20%/năm và dự kiến đạt khoảng 2,5% GDP năm 2015. Sự tăng trưởng này đã góp phần tích cực cho sự phát triển các thị trường tài chính và nền kinh tế- xã hội ở Việt Nam. Để sự tăng trưởng của BHNT ở Việt Nam được tương xứng với tiềm năng và thực sự bền vững thì yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động này cũng cần được rà soát, điều chỉnh và bổ sung gắn với bối cảnh kinh tế- xã hội giai đoạn hiện nay. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung đánh giá những điểm mới về cơ sở pháp lý, kinh tế và kỹ thuật đối với việc quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đối với các hoạt động có tính chất ngân hàng ở các doanh nghiệp (DN) BHNT đang kinh doanh tại Việt Nam bên cạnh việc quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính và các cơ quan Chính phủ khác.*

## 1. Các hoạt động có tính chất hoạt động ngân hàng của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

**T**heo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành thì nghiệp vụ BHNT là “loại nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết” bao gồm các hình thức chính: “*Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp; Bảo hiểm trả tiền định kỳ; Bảo hiểm liên kết đầu*

*tư; Bảo hiểm hưu trí*”[7]. Tùy theo khả năng và phù hợp với quy định pháp lý, các DNBHNT có thể phát triển các sản phẩm dựa trên các sản phẩm cốt lõi này, một trong các hình thức phổ biến là kết hợp với hợp đồng tiền gửi có thời hạn dài và được đóng góp/ bổ sung hàng năm theo thoả thuận giữa DNBHNT và khách hàng. Theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) 2010[8]: “*Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng*



**Bảng 1. Tính chất dịch vụ bảo hiểm và ngân hàng của các hợp đồng BHNT có thực hiện huy động vốn và liên kết đầu tư**

Hợp đồng BHNT có thực hiện huy động vốn	
Tính chất của dịch vụ bảo hiểm	Tính chất của dịch vụ ngân hàng
Doanh nghiệp BHNT chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm theo hợp đồng.	Doanh nghiệp BHNT thu phí bảo hiểm trong đó có một phần thuộc cam kết tiền gửi tiết kiệm dài hạn.
Doanh nghiệp BHNT thu phí bảo hiểm theo hợp đồng.	Doanh nghiệp BHNT trả gốc và lãi ( <i>một lần hoặc nhiều lần</i> ) cho người thụ hưởng theo hợp đồng ( <i>trước hạn hoặc đến hạn</i> ) bên cạnh số tiền bảo hiểm. Giá trị hoàn trả này phụ thuộc vào thời gian, niên kim, thỏa thuận hình thức liên kết đầu tư giữa khách hàng và DNBHNT.
Doanh nghiệp BHNT trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo hợp đồng.	Doanh nghiệp BHNT thỏa thuận với khách hàng về thời gian hợp đồng, kỳ nộp phí bảo hiểm trong đó có phần tiết kiệm/ huy động vốn/ liên kết đầu tư (được quy định rõ khi DNBHNT thiết kế sản phẩm).

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây: a) Nhận tiền gửi; b) Cấp tín dụng; c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản”. Thông qua việc đánh giá các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ hiện được cung cấp trên thị trường Việt Nam (nhất là các sản phẩm liên kết đầu tư), tác giả có đối chiếu và đánh giá tính chất bảo hiểm và tính chất ngân hàng (Bảng 1). Bên cạnh đó, theo Nghị định 46/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm thì tại Khoản 2 Điều 14 có quy định “Đầu tư vốn nhân rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm” như sau: “2. Đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: a) Mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh, gửi tiền tại các TCTD không hạn chế; b) Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác tối đa 50% vốn nhân rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm; c) Kinh doanh bất động sản, cho vay tối đa 40% vốn nhân rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.”. Do đó, bản thân hoạt động của DNBHNT sẽ có hoạt động cho vay- một hoạt động ngân hàng theo quy định hiện hành và cần được kiểm soát hiệu quả.

## 2. Cơ sở thực hiện quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các

## hoạt động có tính chất ngân hàng tại các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

### 2.1. Cơ sở pháp lý

Thứ nhất, Luật Kinh doanh Bảo hiểm của Việt Nam quy định tại khoản 2, Điều 121 thì: “*Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm*”. Theo quy định tại Điều 120, nội dung quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm (bao hàm cả bảo hiểm nhân thọ) gồm:

- Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam;
- Cấp và thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của DN bảo hiểm, DN môi giới bảo hiểm; giấy phép đặt văn phòng đại diện của DN bảo hiểm, DN môi giới bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam;
- Ban hành, phê chuẩn, hướng dẫn thực hiện quy tắc, điều khoản, biểu phí, hoa hồng bảo hiểm;
- Áp dụng các biện pháp cần thiết để DN bảo hiểm bảo đảm các yêu cầu về tài chính và thực hiện những cam kết với bên mua bảo hiểm;
- Tổ chức thông tin và dự báo tình hình thị trường bảo hiểm;
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm;
- Chấp thuận việc DN bảo hiểm, DN môi giới bảo hiểm hoạt động ở nước ngoài;



**Sơ đồ 1. Mô hình quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam hiện nay**



Nguồn: Tổng hợp của tác giả

- Quản lý hoạt động của văn phòng đại diện của DN bảo hiểm, DN môi giới bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam;

- Tổ chức việc đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm;

- Thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

*Thứ hai, căn cứ theo Luật NHNN quy định tại khoản 3, Điều 2 thì: “Ngân hàng Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (sau đây gọi là tiền tệ và ngân hàng); thực hiện chức năng của Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ”. Nội dung quản lý nhà nước của NHNN đối với các TCTD và hoạt động ngân hàng cũng tương tự như của Bộ Tài chính đối với hoạt động bảo hiểm nhân thọ nhằm mục tiêu: “Ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các tổ chức tín dụng; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.*

*Thứ ba, tại Khoản 1 và 3 Điều 37 của Luật Phòng, chống rửa tiền có quy định trách nhiệm của NHNN: “Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền”; “Tổ chức đầu mối theo quy*

*định của Chính phủ để thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về hành vi rửa tiền cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ về các giao dịch và các thông tin khác theo quy định của Luật này nhằm phục vụ việc phân tích, chuyển giao thông tin về hành vi rửa tiền.”*

Như vậy, theo quy định pháp lý hiện hành, quản lý nhà nước đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm ở Việt Nam được phân tách ở các cơ quan cấp Bộ (chủ thể quản lý) và phân tách ở đối tượng quản lý: tổ chức, hoạt động/ sản phẩm và khách hàng. Sự thống nhất được thể hiện ở việc thực thi nhiệm vụ chung của Chính phủ.

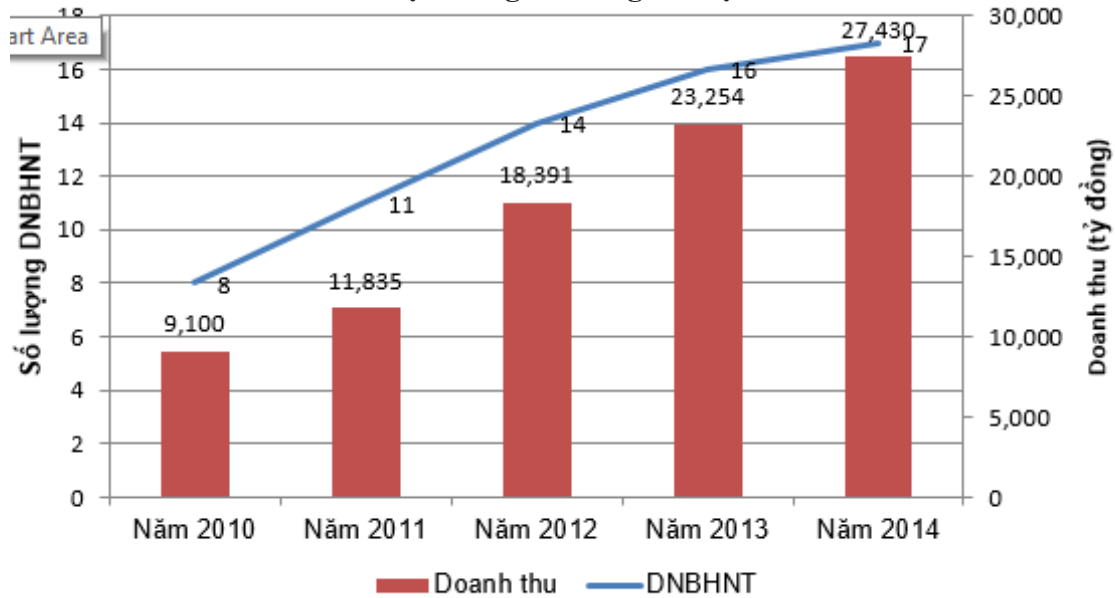
Sự tham gia quản lý nhà nước của NHNN đối với các giao dịch bảo hiểm có tính chất ngân hàng ở các DNBHNT Việt Nam là phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tập trung chủ yếu vào hoạt động có tính chất ngân hàng và kiểm soát các hành vi rửa tiền thông qua các hoạt động bảo hiểm.

## 2.2. Cơ sở kinh tế

*Thứ nhất, sự tăng trưởng nhanh về doanh thu của thị trường BHNT Việt Nam. Như đã đề cập ở trên, thị trường BHNT Việt Nam đã có mức tăng trưởng rất cao trong giai đoạn 2011-2015 với mức bình quân 20%/năm (với tỷ lệ này thì đây được xem là ngành mới nổi theo tiêu chuẩn quốc tế- emerging industry- nên sẽ tiếp tục có mức tăng trưởng cao trong ít nhất 5 năm*



Biểu đồ 1. Thị trường BHNT giai đoạn 2010-2014



Nguồn: [3]

tới). Điều này làm tăng mức độ ảnh hưởng của BHNT tới thị trường tài chính ở Việt Nam.

*Thứ hai*, các sản phẩm BHNT được khai thác đa dạng hơn với nhiều hình thức khác nhau trong điều kiện chưa chuẩn hoá (Singapore là một ví dụ điển hình về chuẩn hoá sản phẩm BHNT). Thực tế này đòi hỏi khả năng giám sát sản phẩm ở nhiều góc độ sẽ ngày càng phức tạp hơn với các cơ quan liên quan. Theo quy hiện hành, việc cấp phép các sản phẩm BHNT ở Việt Nam đều do Bộ Tài chính chịu trách nhiệm theo quy định tại Thông tư số 124/2012/TT-BTC. Các hoạt động đầu tư sử dụng vốn (bao gồm cả cho vay) cũng chỉ được thực hiện theo Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn kèm theo áp dụng cho các DNBHNT. Điều này tạo nên khoảng trống: Quy định về nhận tiền gửi đối với các hợp đồng/ giao dịch BHNT có bao gồm việc huy động tiền của người mua bảo hiểm; Quyền lợi của người mua hợp đồng/ thụ hưởng hợp đồng BHNT ở góc độ bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền...

*Thứ ba*, sự cạnh tranh trong lĩnh vực BHNT ngày càng gia tăng với 17 DNBHNT trong điều kiện thị trường còn nhiều tiềm năng sẽ làm cơ sở cho sự phát triển mở rộng của thị trường[4]: mở rộng danh mục sản phẩm, phát triển kênh phân phối đa dạng, chính sách phí và lãi suất sẽ

thuận lợi hơn cho khách hàng, nguồn vốn/ nhu cầu đầu tư tăng nhanh... Trong bối cảnh đó, sự quản lý của Nhà nước cần phải cân bằng vấn đề phát triển bền vững với tăng trưởng nóng, đó là kiểm soát rủi ro (ở nhiều góc độ không chỉ dừng lại ở khả năng thanh toán) trong hoạt động của DNBHNT, thị trường BHNT. Sự tham gia của các DNBHNT nước ngoài với tiềm lực cạnh tranh lớn sẽ làm gia tăng cạnh tranh ở thị trường BHNT còn “non trẻ” Việt Nam sẽ tạo nên những vấn đề ngày càng phức tạp ở các phương diện. Điều này sẽ có ảnh hưởng tới hệ thống tài chính của Việt Nam trong ngắn hạn và dài hạn. Do đó, yêu cầu quản lý toàn diện với các giao dịch BHNT nhằm đảm bảo an toàn hệ thống là tất yếu ở Việt Nam.

*Thứ tư*, tác động qua lại giữa hoạt động BHNT với quá trình xây dựng, thực thi chính sách tiền tệ của NHNN: Thu thập và dự báo thông tin cho các kịch bản dự kiến của chính sách tiền tệ; Dự kiến liều lượng sử dụng các công cụ trong đó có qua kênh của các DNBHNT; Thu thập và đánh giá thông tin phục vụ kiểm soát tác động của các công cụ chính sách tiền tệ được sử dụng và tác động tới triển vọng đạt mục tiêu đề ra... Mục tiêu chính của chính sách tiền tệ là ổn định giá trị tiền tệ, góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội. Trong điều kiện áp dụng hướng



tiếp cận “lạm phát mục tiêu” hiện nay thì nhiều vấn đề quan trọng cần được có lời giải cụ thể phù hợp, cụ thể là:

- Việc tính toán các tác động của việc sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ;
- Hiệu lực và hiệu quả của công cụ khi được sử dụng trong điều kiện hoạt động BHNT có tính chất ngân hàng ngày càng phát triển;
- Theo dõi tác động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn khi sử dụng công cụ chính sách tiền tệ có tính tới thị trường và sản phẩm BHNT;
- Thực hiện các điều chỉnh liều lượng sử dụng công cụ thích hợp hơn nhờ việc tính toán đến các nhân tố ảnh hưởng, cơ chế truyền dẫn qua hoạt động BHNT;
- Đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của chính sách tiền tệ.

*Thứ năm*, xu thế tiếp cận chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt để áp dụng cho thị trường BHNT tăng trưởng nhanh ở Việt Nam và nhất là khi các DNBHNT nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn như hiện nay. Điều này cho phép Việt Nam có thể áp dụng cơ chế quản lý, giám sát Nhà nước chặt chẽ hơn với hoạt động BHNT ở nhiều giác độ phù hợp với tính chất đa dạng, tích hợp của sản phẩm và thị trường tài chính. Quý IV/2014 Ngân hàng Trung ương (NHTW) châu Âu đã ban hành quy định về thông tin của các DN bảo hiểm trên toàn châu Âu phải cung cấp

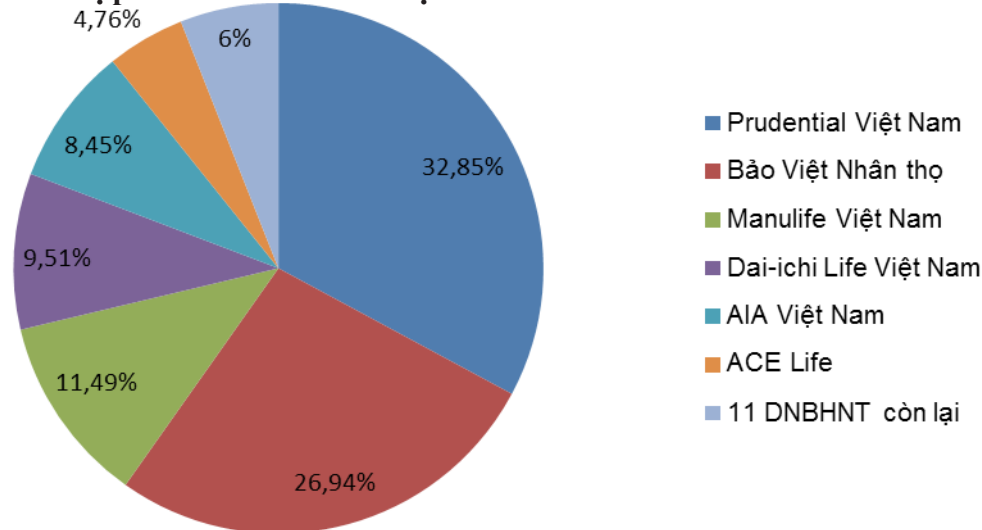
cho các NHTW thành viên (Regulation (EU) No 1374/2014)[13]. Vì vậy, nếu Việt Nam áp dụng những thông lệ tốt trong bối cảnh các DNBHNT nước ngoài đang chiếm ưu thế sẽ càng có tính khả thi cao, hỗ trợ phát triển bền vững thị trường.

*Thứ sáu*, tự do hoá giao dịch và thị trường tài chính ở Việt Nam ngày càng tăng dựa trên sự phát triển của hệ thống pháp luật. Các hoạt động BHNT được thực hiện ở cả các kênh truyền thống và ngày càng mở rộng sang các kênh mới, nhất là thông qua kênh ngân hàng. Về cơ bản, các giao dịch tài chính trong nước có tính chất thị trường cao, vấn đề hạn chế các giao dịch chủ yếu liên quan đến các dòng vốn ngoại tệ rút khỏi Việt Nam. Trong điều kiện đó, sự phụ thuộc và đan xen các dòng vốn và sản phẩm của thị trường tài chính Việt Nam ngày càng gia tăng. Các DNBHNT có điều kiện tham gia các thị trường tài chính khác thông qua hoạt động đầu tư, tăng vốn, phát hành các công cụ nợ. Bên cạnh đó, sự ổn định của các thị trường tài chính sẽ ảnh hưởng lẫn nhau, ảnh hưởng chung đến ổn định tài chính quốc gia. Do vậy, việc phát triển cơ chế quản lý hoạt động có tính chất ngân hàng của các DNBHNT không chỉ phù hợp với quy định pháp lý mà còn là yêu cầu tất yếu ở giác độ kinh tế và thị trường- sự cần thiết cho việc triển khai nhiệm vụ của NHNN.

*Thứ bảy*, hoạt động rửa tiền trong lĩnh vực BHNT đã và đang diễn ra trên thế giới và đã xuất hiện cả ở Việt Nam. Vì vậy, để đảm bảo lành mạnh hoá hệ thống tài chính, nhiệm vụ ngăn chặn và chống các hành vi rửa tiền trong mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực BHNT ở giác độ cung cấp

**Biểu đồ 2.**

**Thị phần các DNBHNT Việt Nam năm 2014 tính theo doanh thu**



Nguồn: [4]



sản phẩm/ hợp đồng và đầu tư vốn là cần thiết cho cơ quan chịu trách nhiệm chính việc này- ở Việt Nam là NHNN.

### **2.3. Cơ sở kỹ thuật**

Trên thực tế, cơ chế quản lý nhà nước đối với lĩnh vực bảo hiểm và lĩnh vực ngân hàng được triển khai ở Việt Nam với các cơ quan Chính phủ được giao trách nhiệm theo quy định của pháp luật (như đã đề cập ở phần cơ sở pháp lý). Theo đó, mục tiêu, công cụ, cơ chế tổ chức thực hiện và giám sát đã được áp dụng cơ bản gắn với thực tiễn Việt Nam. Bộ Tài chính quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực BHNT, trong đó cơ quan trực tiếp triển khai các hoạt động liên quan là Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm. NHNN thông qua các đơn vị trực thuộc của mình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hoạt động ngân hàng trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, những khuôn khổ cơ bản cho quản lý nhà nước đối với hoạt động có tính chất ngân hàng của các DNBHNT đã có ở Việt Nam, vấn đề đặt ra ở đây là bổ sung thêm các công cụ để thực thi hiệu quả, hiệu lực tốt hơn[7,8]. Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của các DNBHNT, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực BHNT, lĩnh vực ngân hàng cho phép những giải pháp, cơ chế phối hợp thực hiện quản lý hiệu quả đối với hoạt động của tính chất ngân hàng của các DNBHNT. Hệ thống báo cáo được chuẩn hoá (nội dung, cấu trúc, thời điểm) và được ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp cơ quan quản lý trong thực thi cơ chế phối hợp hiệu quả, đồng thời không làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của các DNBHNT.

### **3. Đề xuất cơ chế tham gia quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các giao dịch bảo hiểm có tính chất ngân hàng ở các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ**

Qua đánh giá các cơ sở ở phần trên, có thể khẳng định xu thế tất yếu của việc NHNN tham gia quản lý hoạt động có tính chất ngân hàng của các DNBHNT, kể cả trong điều kiện hiện nay của Việt Nam khi chúng ta đang thực hiện hệ thống giám sát tài chính quốc gia theo mô hình phân tán. Những hoạt động quản lý nhà

nước đối với các DNBHNT hiện đang được Bộ Tài chính thực hiện tốt theo quy định pháp luật hiện hành. Những khuyến nghị của tác giả chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các biện pháp của NHNN nhằm thực hiện mục tiêu ổn định giá trị tiền Việt Nam, góp phần bảo vệ ổn định của hệ thống tài chính quốc gia, phát triển kinh tế- xã hội.

#### **3.1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần tiếp cận, thu thập thông tin về các hoạt động của DNBHNT, nhất là các hoạt động có tính chất ngân hàng để phục vụ nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ**

*Thứ nhất*, NHNN thu thập các thông tin phục vụ đánh giá vốn huy động qua kênh của các DNBHNT (chủ yếu là vốn trung- dài hạn):

- Quy mô vốn huy động qua các hợp đồng BHNT, không bao gồm phần tiền chi trả cho dịch vụ bảo hiểm của mỗi khách hàng theo mỗi hợp đồng hàng năm.

- Cơ cấu vốn huy động và mức độ ổn định về thời hạn, sự nhạy cảm với lãi suất, các loại hợp đồng BHNT.

Để thực hiện điều này, bên cạnh sự phối hợp cơ chế thông tin với Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thì việc quy định rõ quy mô huy động vốn trong phí bảo hiểm khách hàng nộp định kỳ trong quá trình cấp phép sản phẩm BHNT theo Luật Kinh doanh bảo hiểm.

*Thứ hai*, thu thập thông tin phục vụ đánh giá hoạt động đầu tư của các DNBHNT, bao gồm quy mô và cơ cấu đầu tư vốn sau khi trích lập dự phòng theo quy định. Biểu đồ 3 cho thấy rõ việc cần thiết thu thập và đánh giá thông tin này phục vụ dự báo tác động của các công cụ chính sách tiền tệ, sự tác động qua lại của các thị trường tài chính.

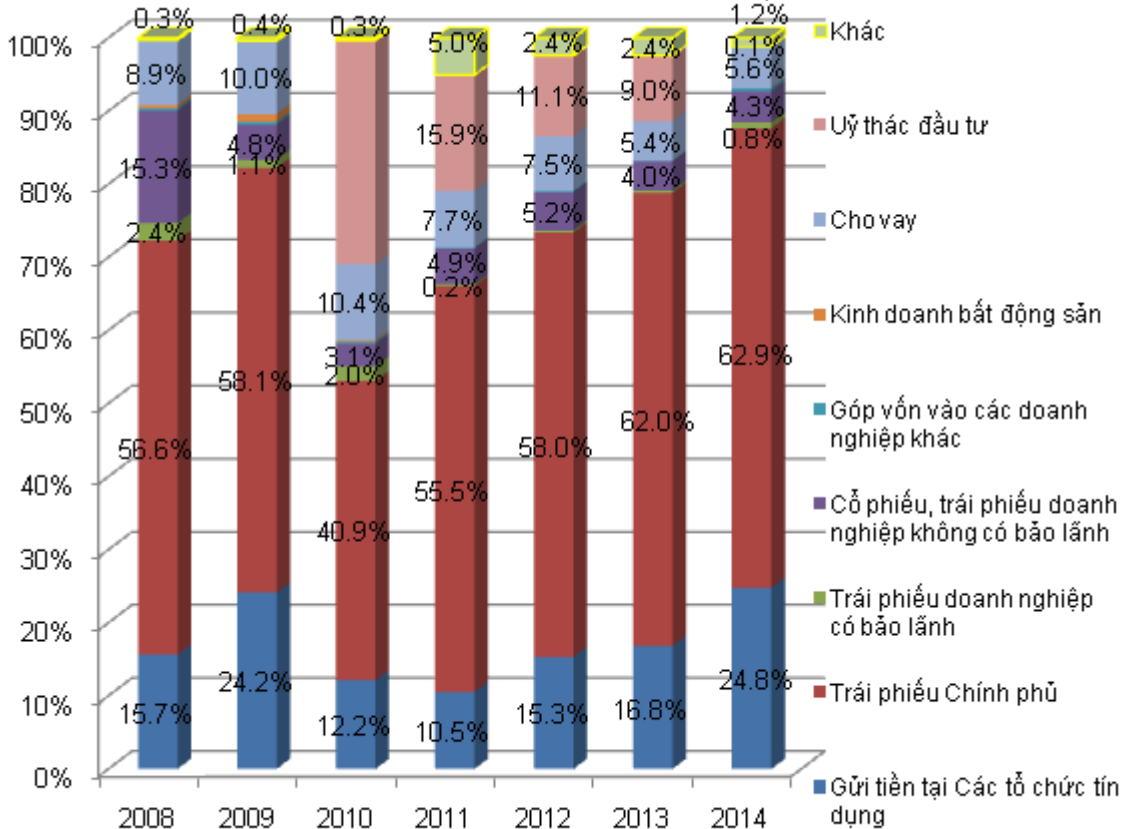
#### **3.2. Quản lý hoạt động cho vay và đầu tư**

Ở khuyến nghị này, NHNN cần ban hành những quy định ở dạng hướng dẫn về một số hoạt động đầu tư vốn của DNBHNT phù hợp với quy định của Luật Các TCTD và Luật NHNN, cụ thể là:

- Quy định về cho vay vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (không quá 40% theo quy định hiện hành) bao gồm: chính sách cho vay, quy định cụ thể về quy trình cho vay, các biện pháp kiểm soát rủi ro trong cho vay... Trong quy



**Biểu đồ 3. Cơ cấu đầu tư của các DNBHNT Việt Nam năm 2014**



Nguồn: [4]

định cũng cần nêu rõ phạm vi và quyền hạn giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN đối với hoạt động cho vay này của các DNBHNT.

- Quy định về chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài của DNBHNT (nếu có) phù hợp với quy định quản lý ngoại hối và hỗ trợ điều hành tỷ giá của NHNN.

### 3.3. Quản lý phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền

Cơ chế phối hợp giữa NHNN với Bộ Tài chính trong việc kiểm soát hành vi rửa tiền thông qua thị trường BHNT cần được cụ thể hoá theo đúng quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, các thông tin mà NHNN có thể yêu cầu được cung cấp từ các DNBHNT ở Việt Nam bao gồm:

- Khi khách hàng lần đầu mở tài khoản, bao gồm tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản thẻ và các loại tài khoản khác;
- Khi khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với tổ chức tài chính nhằm sử dụng sản phẩm, dịch vụ do tổ chức tài chính cung cấp;

c) Khi khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn. Giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn là giao dịch của khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản thanh toán nhưng không giao dịch trong vòng 6 tháng trở lên với tổng giá trị từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở lên trong một ngày;

d) Khi thực hiện chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin về tên, địa chỉ hoặc số tài khoản của người khởi tạo;

đ) Khi nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;

e) Khi nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó.

Cơ chế thu thập và cung cấp thông tin theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định 116/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật phòng, chống rửa tiền.



## 4. Kết luận

Trong xu thế tất yếu của sự phát triển đa dạng và quy mô ngày càng tăng các sản phẩm BHNT, DNBHNT ở Việt Nam, việc tăng cường các giải pháp quản lý nhà nước ở các góc độ khác nhau trong lĩnh vực này hướng tới sự lành mạnh của hệ thống tài chính, các chính sách hỗ

trợ phát triển kinh tế- xã hội được phát huy hiệu quả là hết sức cần thiết. Với những cơ sở vững chắc về kinh tế, kỹ thuật và pháp lý cho thấy sự tham gia quản lý hoạt động có tính chất ngân hàng của DNBHNT ở Việt Nam trong thời gian trước mắt và lâu dài cần được đảm bảo hiệu quả và hiệu lực thực tế. ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ trưởng Tài chính (2003), Hệ thống chỉ tiêu giám sát doanh nghiệp bảo hiểm, ban hành kèm theo Quyết định số 153/2003/QĐ-BTC ngày 22/9/2003.
2. Bộ trưởng Tài chính (2009), Quyết định số 288/QĐ-BTC ngày 12/2/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm.
3. Công ty chứng khoán VPBank (2014), Báo cáo ngành bảo hiểm Việt Nam.
4. Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (2015), Tổng quan thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2014
5. Hoàng Trần Hậu và Nguyễn Tiến Hùng (2013), Giám sát an toàn tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam, Tạp chí Phát triển và Hội nhập năm 2013.
6. Học viện Ngân hàng (2011), Hệ thống giám sát tài chính quốc gia.
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Luật kinh doanh bảo hiểm- Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-VPQH.
8. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Quyết định số 193/2012/QĐ- TTg ngày 15/2/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020.
9. Andrew Bailey (2013), The Prudential Regulation Authority's approach to insurance supervision.
10. IAIS (2011), Insurance and Financial Stability.
11. José M. Cartas (2010), Insurance Statistics for Monetary Policy.
12. <http://www.apra.gov.au/>; <http://www.bankofengland.co.uk/pru/>; <http://www.baovietnhantho.com.vn/>; <http://www.fca.org.uk/>; <http://www.isa.mof.gov.vn/>

## SUMMARY

### The fundamental basis for State management of Vietnam life insurance company's banking activities

*In the period 2011- 2014, the Vietnam life insurance market has been a rapid development with an average revenue growth of 20% per year and expected account for about 2.5% of GDP in 2015. This growth has contributed positively to the development of financial markets and socio-economy in Vietnam. For the sustainable growth of Vietnam life insurance, the state management for this business should be reviewed, adjusted and improved in line with socio-economic context. Within this article, the author focuses on assessing the new point on the legal, economic and technical framework to the management of the State Bank of Vietnam (SBV) for Vietnam life insurance company's banking activities in addition to the State management of the Ministry of Finance and other government agencies.*

## THÔNG TIN TÁC GIẢ

**Phạm Quốc Khánh, Tiến sĩ**

*Đơn vị công tác:* Học viện Ngân hàng

*Lĩnh vực nghiên cứu chính:* Tài chính- ngân hàng và Quản trị chiến lược.

*Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải:* Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng; Tạp chí Ngân hàng; Tạp chí Thị trường Tài chính- Tiền tệ.

*Email:* khanhpq@hvn.edu.vn